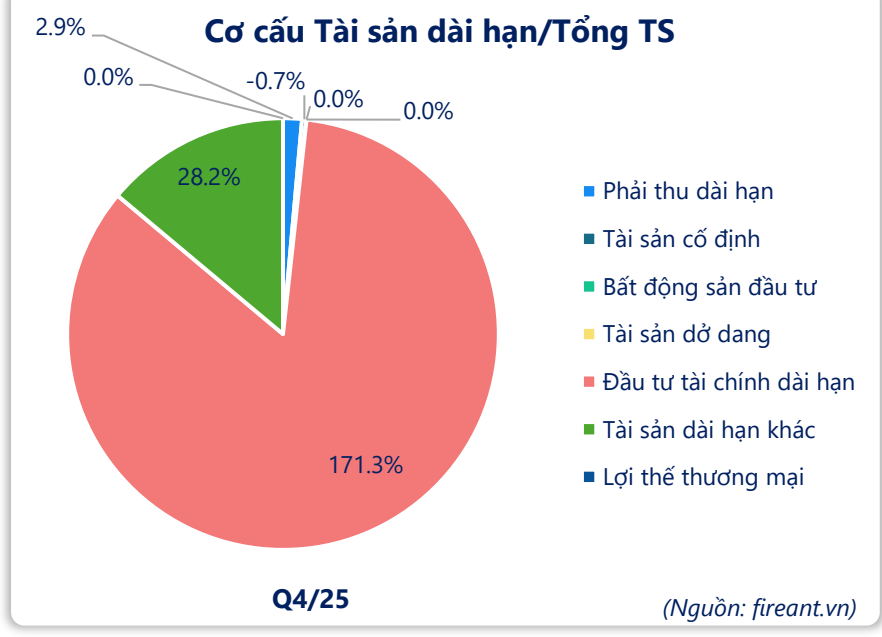
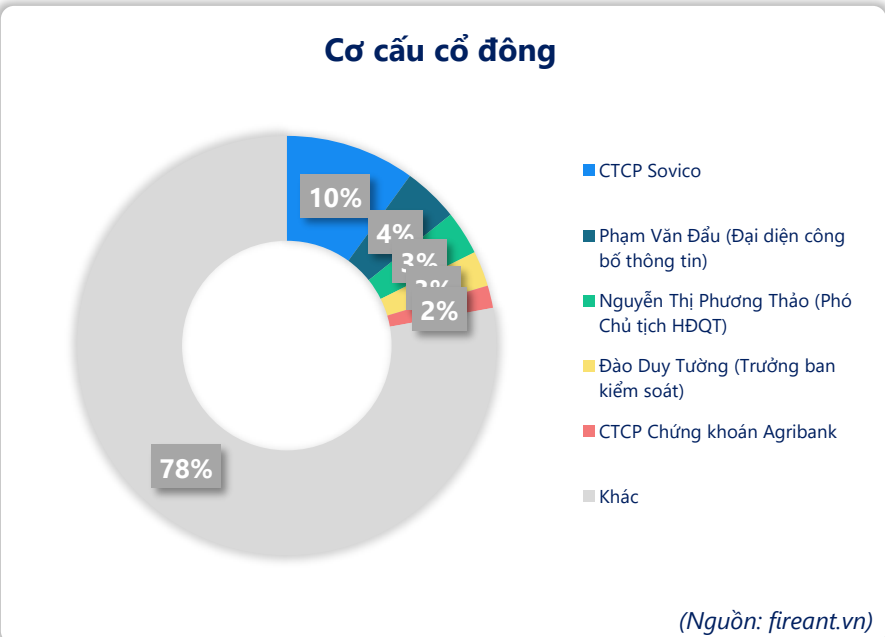
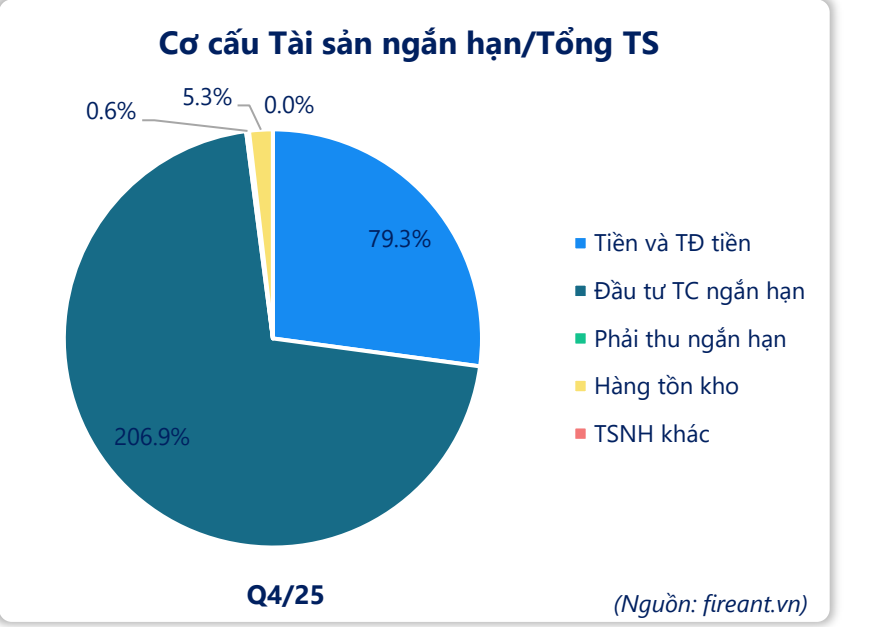
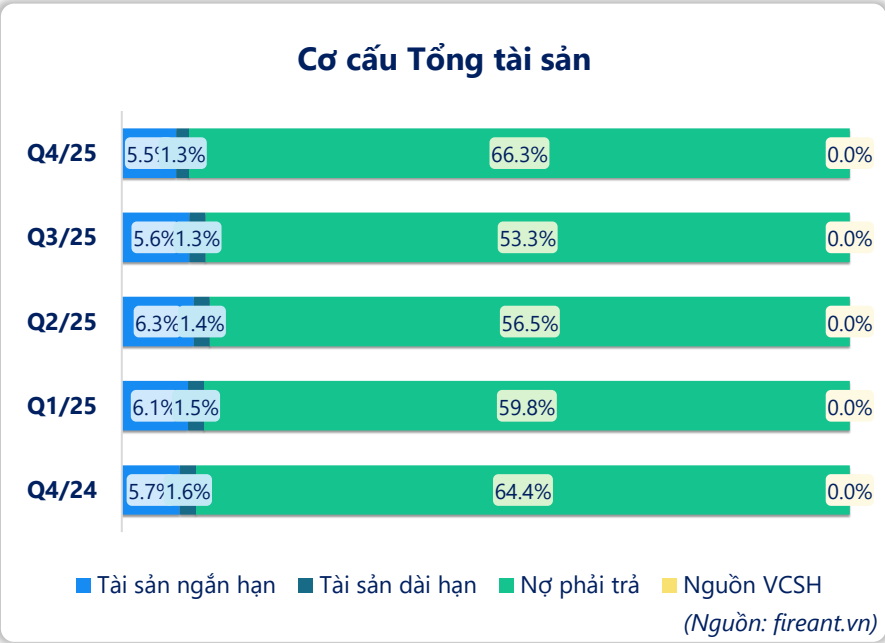
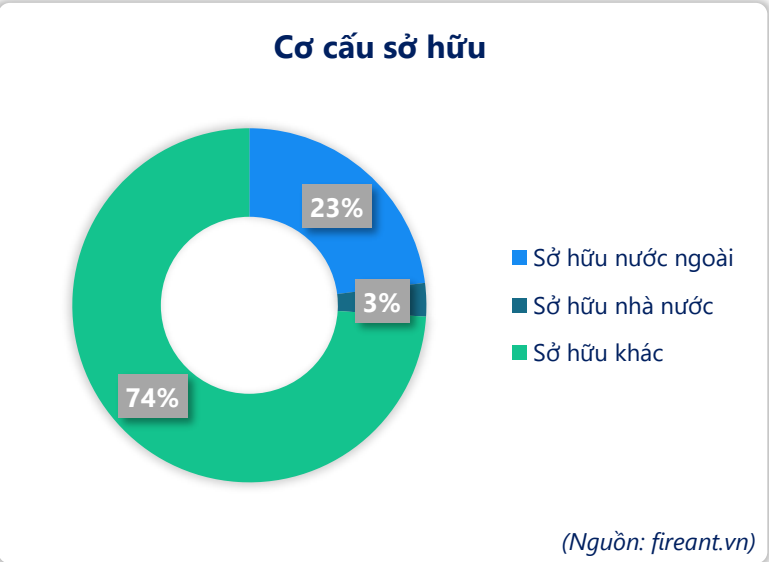
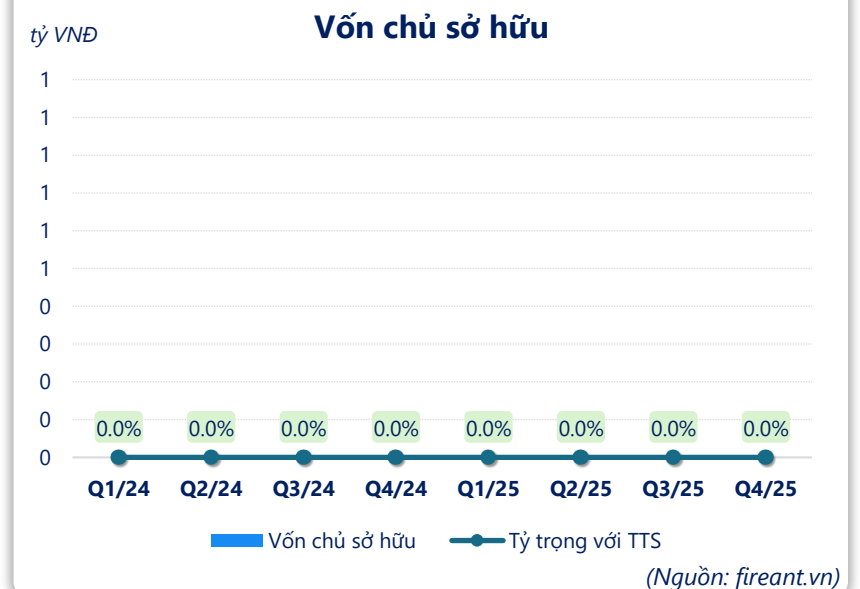
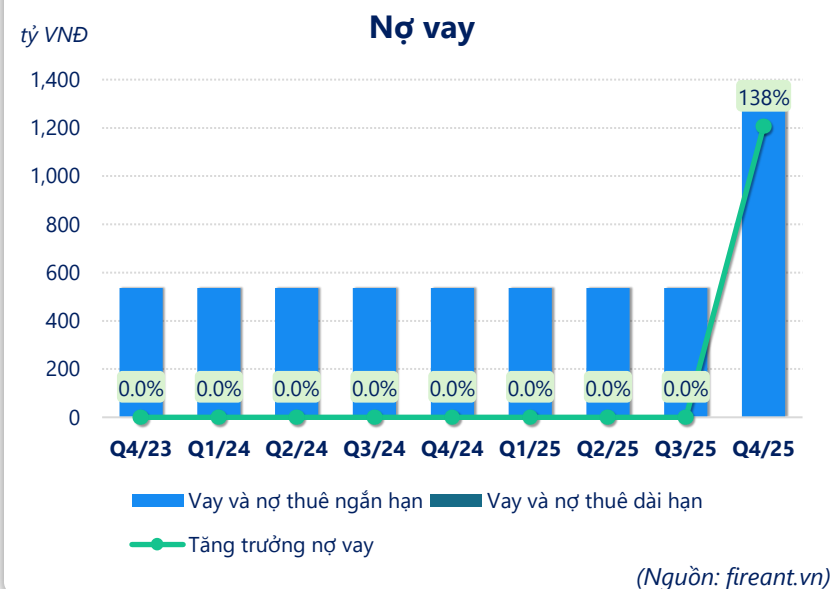
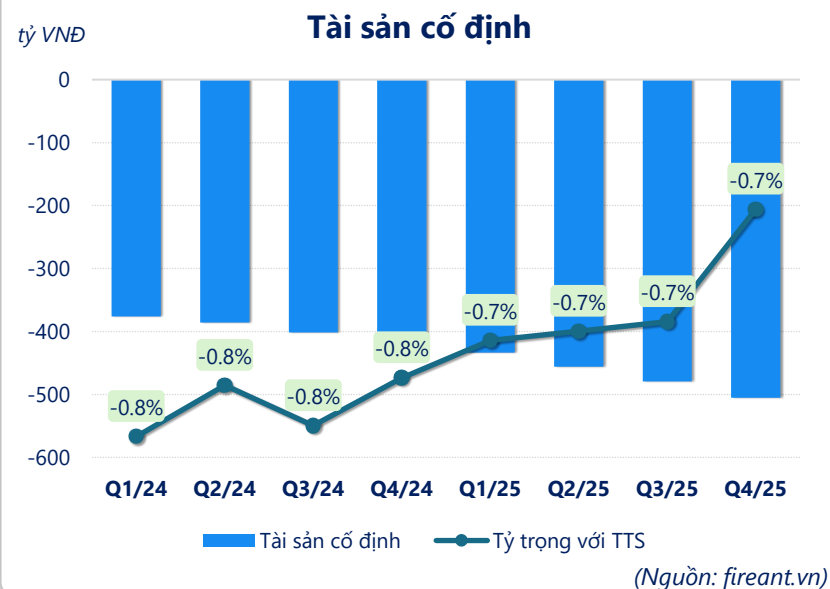
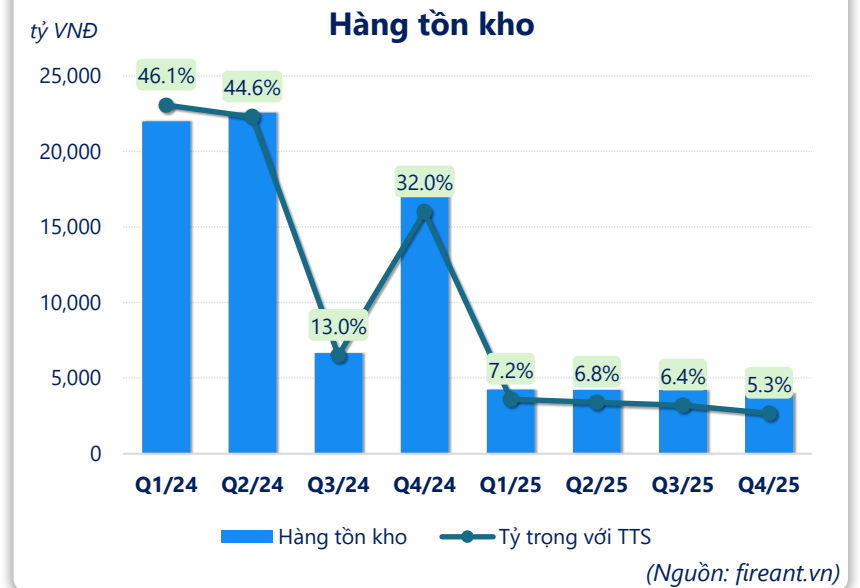
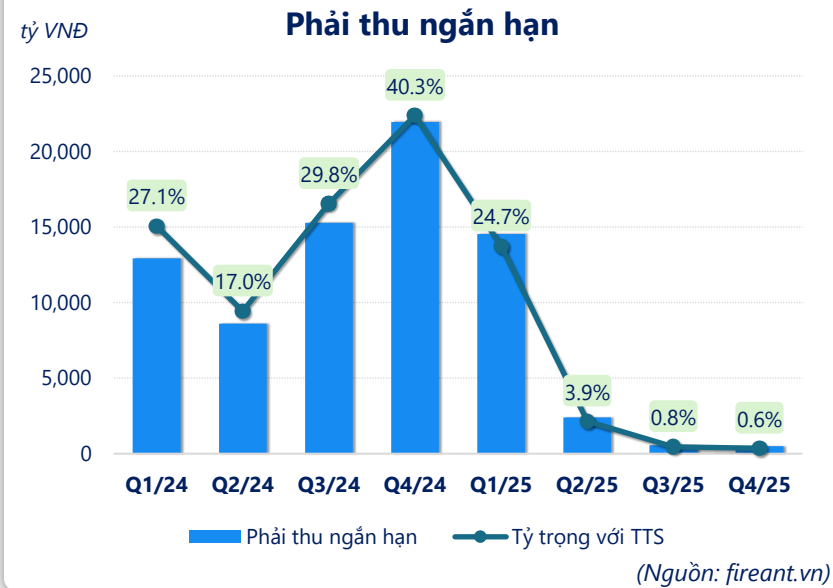
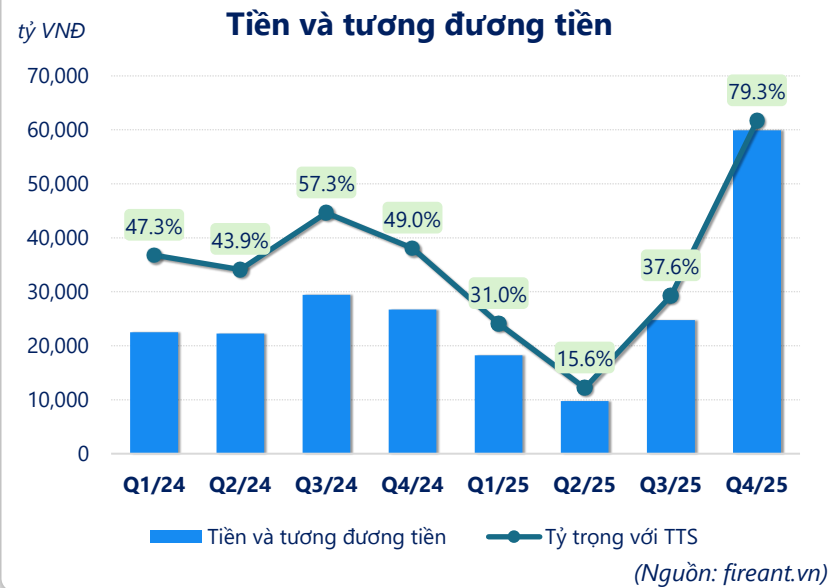
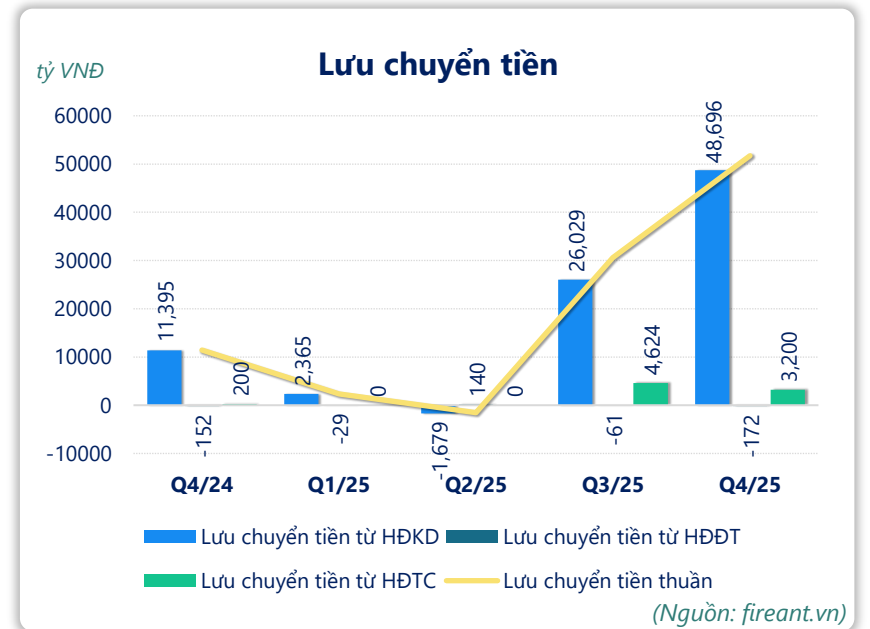
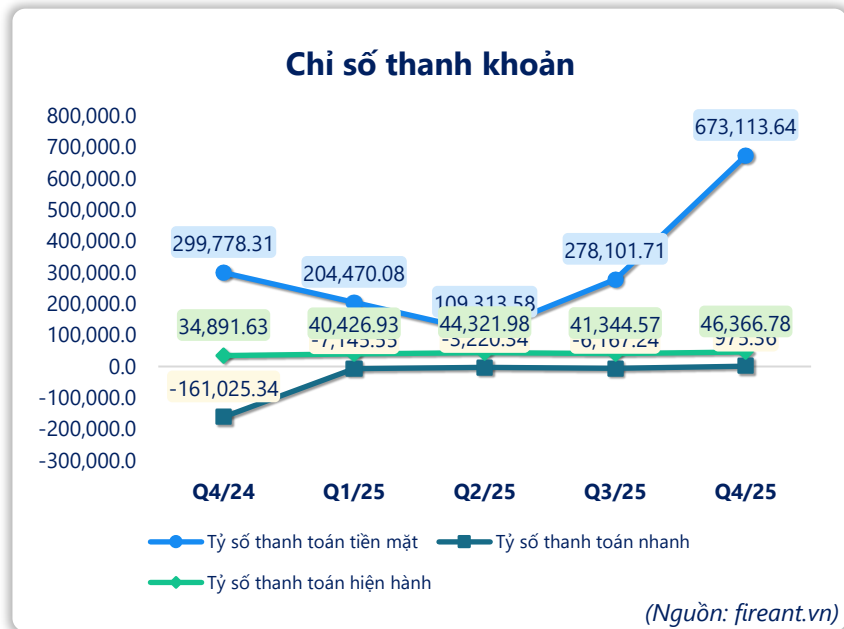
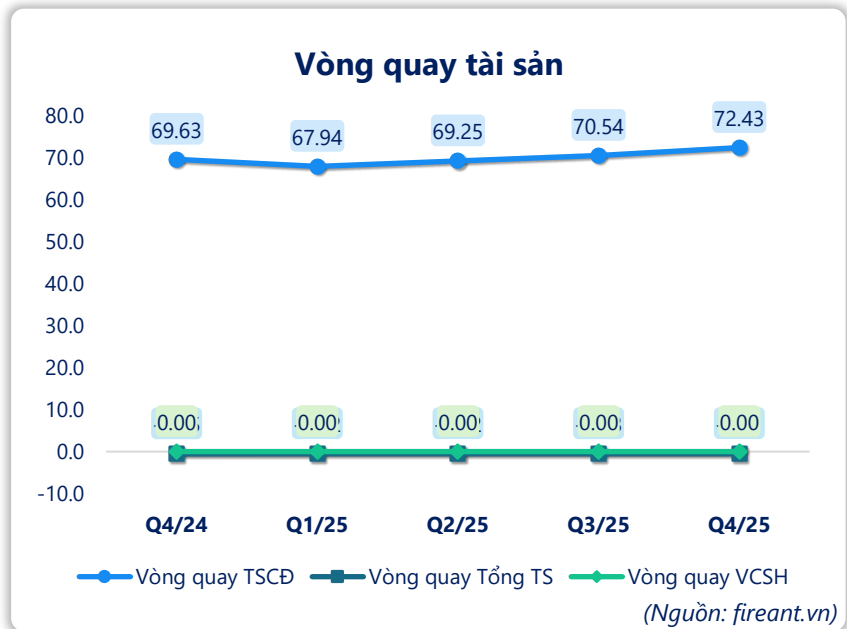
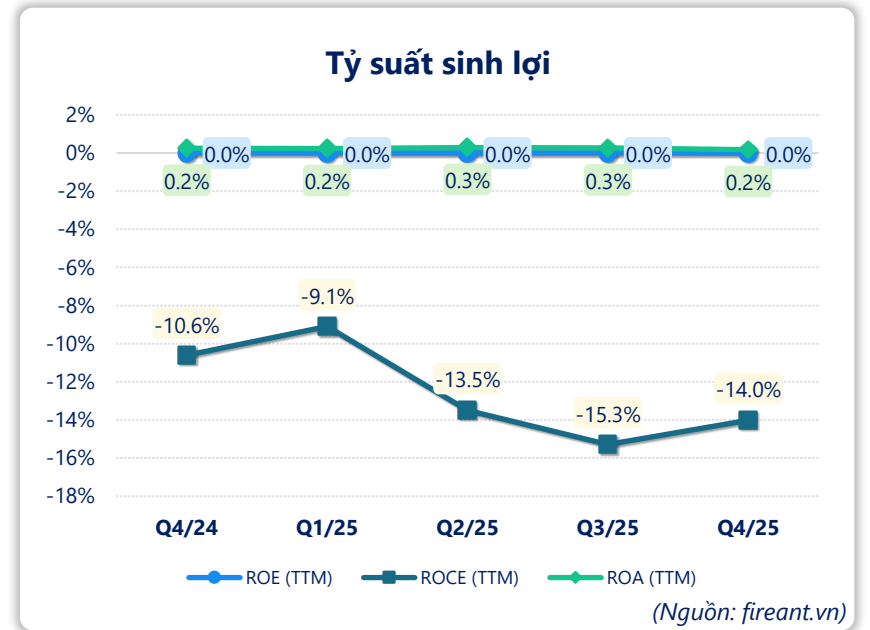
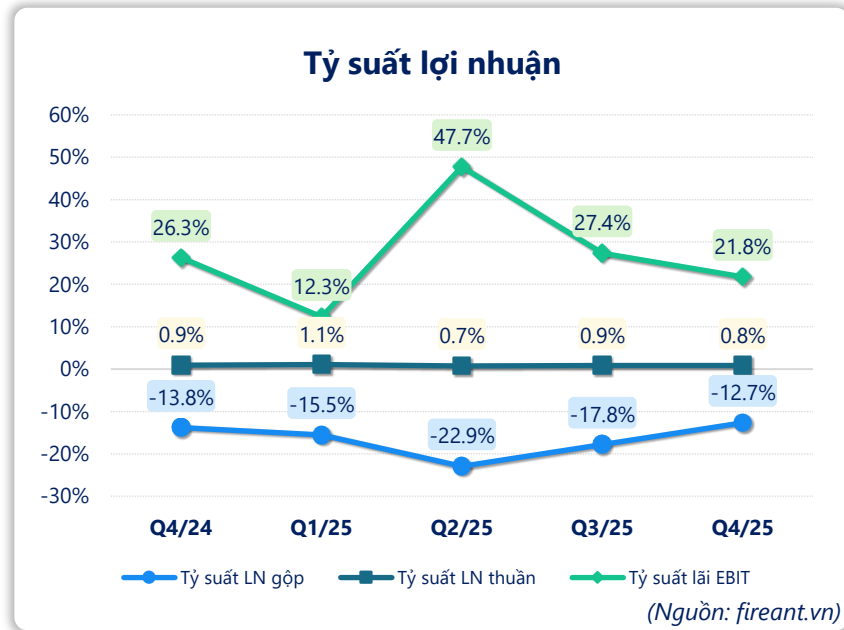
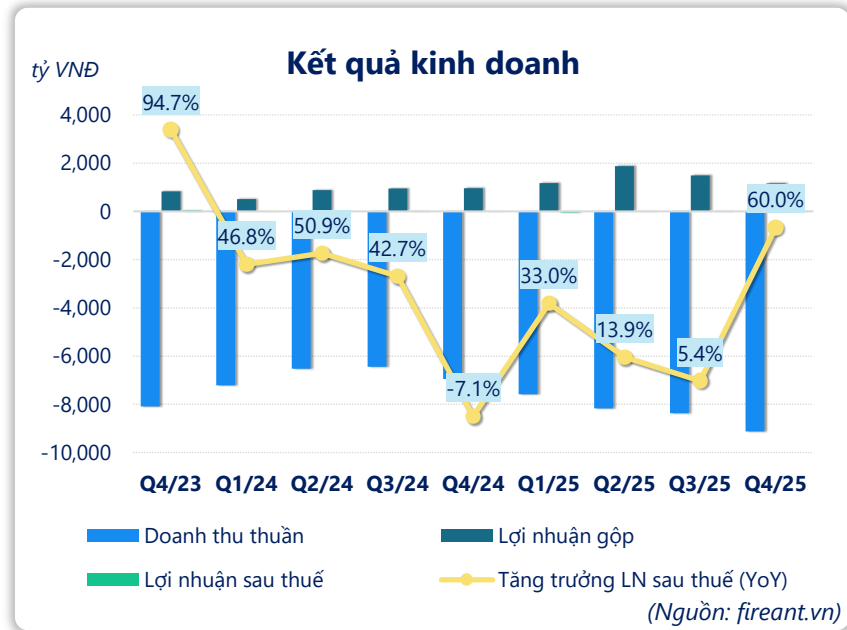


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,033
SL cổ phiếu LH		5,005,276,323
KLGD BQ 20 phiên (CP)		24,529,395
% sở hữu nước ngoài		23.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		148,657
P/E		9.0
EPS		3,297

	YTD	1T	3T	6T
HDB	53.5%	16.9%	23.1%	63.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	75,549	54,491	38.6%
Tài sản ngắn hạn	4,127	3,105	32.9%
Tiền và tương đương tiền	59,907	26,680	125%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	156,341	94,226	65.9%
Phải thu ngắn hạn	491	21,956	-97.8%
Hàng tồn kho	4,040	17,437	-76.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	973	887	9.7%
Phải thu dài hạn	2,169	1,984	9.4%
Tài sản cố định	-505	-413	-22.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	129,409	74,877	72.8%
Tài sản dài hạn khác	21,332	19,571	9.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50,053	35,101	42.6%
Nợ ngắn hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,275	536	138%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-6,946	-7,584	-8,171	-8,370	-9,122
Giá vốn hàng bán	423	733	1,332	1,187	874
Lợi nhuận gộp	961	1,177	1,874	1,491	1,156
Doanh thu HĐTC	-538	-444	-542	-304	-281
Chi phí TC	235	188	424	343	317
Chi phí lãi vay	6.16	389	241	4.40	4.43
LN trong công ty LKLD	142	-16.7	19.5	4.80	848
Chi phí bán hàng	394	479	-272	158	372
Chi phí QLDN	458	560	-212	231	447
LN thuần từ HĐKD	-64.9	-81.3	-60.7	-72.5	-75.0
Lợi nhuận khác	5,908	6,680	8,854	7,029	8,510
LN trước thuế	-1,832	-1,325	-4,141	-2,294	-1,991
Lợi nhuận sau thuế	-5.38	-51.2	-21.4	-22.9	12.3
LNST của CĐ cty mẹ	123	123	161	152	113

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11,395	2,365	-1,679	26,029	48,696
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-152	-28.8	140	-61.1	-172
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	200	0	0	4,624	3,200
Tiền đầu kỳ	125,917	137,262	139,628	138,032	168,657
Lưu chuyển tiền thuần	11,443	2,336	-1,539	30,592	51,724
Ảnh hưởng tỷ giá	-98.8	30.9	-57.9	33.8	-6.84
Tiền cuối kỳ	137,262	139,628	138,032	168,657	220,375

(Nguồn: fireant.vn)